

(Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~12~~ ~~12~~ QĐ-ĐHTN-KHTC

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018 của Trường Đại học Tây Nguyên

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 309/QĐ-BGDĐT ngày 26/01/2018; Quyết định số 2255/QĐ-BGDĐT ngày 19/6/2018 về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018 của Bộ Giáo dục & Đào tạo;

Xét đề nghị của ông trưởng phòng KH-TC;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2018 của Trường Đại học Tây Nguyên (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và các đơn vị liên quan thuộc Trường Đại học Tây Nguyên thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- TT Thông tin (đăng Website Trường);
- Lưu :VT, KHTC.



TS. Nguyễn Thanh Trúc

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ- ĐHTN-KHTC, ngày 02/7/2018 của Trường Đại học Tây Nguyên
 1273 (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	69.501
1	Chi quản lý hành chính	43.903
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	43.903
2	Nghiên cứu khoa học	2.853
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	2.853
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	2.853
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	22.245
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	22.245
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	500
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	500